

IMPLEMENTING THE POLICY OF HUNGER ERADICATION AND POVERTY REDUCTION IN ACCORDANCE WITH THE RESOLUTION OF THE 13th PARTY CONGRESS

Vuong Thi Bich Thuy

Academy of Politics Region I
Email: thuyvuong0713@gmail.com

Received: 22/10/2021
Reviewed: 02/11/2021
Revised: 08/11/2021
Accepted: 19/11/2021
Released: 30/11/2021

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/627>

Right after the country's founding in 1945, hunger eradication and poverty reduction has always been identified by the Party and State as one of the key tasks to ensure social security and improve people's living standards. That point of view, always throughout the congresses, has been concretized by the State into policies and programs to achieve the goal of hunger eradication and poverty reduction. In that spirit, the Resolution of the 13th Party Congress continued to identify many important goals related to improving the lives of all people and leaving no one behind. The improvement of the policy on hunger eradication and poverty reduction in the new situation will contribute to the successful implementation of the Resolution of the 13th Party Congress.

Keywords: *National Party Congress; Policy on poverty reduction; Poverty.*

1. Đặt vấn đề

Đảng và Nhà nước ta xác định công tác giảm nghèo bền vững là chủ trương lớn, quan trọng, nhất quán, xuyên suốt trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước. Quan điểm đó thể hiện sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực của toàn dân. Công tác giảm nghèo trong thời gian vừa qua đã đạt được nhiều kết quả như: Hệ thống chính sách, pháp luật về giảm nghèo được ban hành khá đồng bộ, toàn diện; ngân sách nhà nước và nguồn lực huy động từ xã hội đầu tư cho công tác giảm nghèo ngày càng tăng; nhận thức, ý chí vươn lên của người nghèo tăng cao, có nhiều tấm gương điển hình nỗ lực vươn lên thoát nghèo; cơ bản các hộ nghèo đã thoát nghèo, nhiều hộ có mức sống trung bình, khá giả, nhiều địa bàn nghèo thoát khỏi tình trạng khó khăn, một số địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Kết quả đó có ý nghĩa to lớn, khẳng định ý chí, quyết tâm cao của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của nhân dân trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo.

Chính sách xóa đói, giảm nghèo (XDGN) trong

thời gian qua, không chỉ làm giảm hộ nghèo, mà còn góp phần tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đặc biệt tăng lòng tin của nhân dân nói chung và của người nghèo nói riêng đối với Đảng và Nhà nước. Với ý nghĩa trên của chính sách XDGN, bài viết phân tích kết quả XDGN qua từng giai đoạn. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả của chính sách XDGN trong thời gian tới, nhằm góp phần đạt mục tiêu của Đại hội Đảng lần thứ XIII.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu về vấn đề XDGN ở Việt Nam đã được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu thông qua số lượng lớn các tài liệu và công trình nghiên cứu, trong đó, nổi bật có một số nghiên cứu sau:

Cuốn sách “Chính sách xóa đói giảm nghèo, thực trạng và giải pháp” của Lê Quốc Lý (chủ biên) xuất bản năm 2012, đã cung cấp cái nhìn xuyên suốt quá trình của chính sách XDGN thông qua các kỳ Đại hội của Đảng, đã chỉ ra được những chủ trương chính sách trong từng thời kỳ. Đây là một tài liệu khá đầy đủ các thông tin về chính sách giảm nghèo

(đến thời điểm nghiên cứu), là nguồn tài liệu quý cho những nhà nghiên cứu.

Tài liệu của Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 do Anh Cao đăng trên website của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã cung cấp số liệu đánh giá tổng kết 10 năm thực hiện chính sách này trong giai đoạn 2010-2020.

Đề án Nghèo đa chiều của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2015), đã xây dựng đề án tổng thể về đổi mới phương pháp tiếp cận nghèo đói ở Việt Nam từ đơn chiều sang đa chiều, áp dụng cho giai đoạn 2016-2020. Đây là phương pháp mới đang được các tổ chức quốc tế và một số quốc gia nghiên cứu chuyên đổi. Dự kiến, 5 chiều được đưa ra đánh giá gồm y tế, giáo dục, nhà ở, điều kiện sống (nước sinh hoạt và vệ sinh), tiếp cận thông tin.

Trần Quốc Toàn (2020), “Đảng lãnh đạo công cuộc xóa đói, giảm nghèo”, đăng trên Trang điện tử của Hội đồng Lý luận Trung ương đã đánh giá từ nhận thức về vấn đề XĐGN, đến định hướng thực hiện chính sách trong thời gian tới.

Các công trình nghiên cứu về chính sách XĐGN đã làm sáng tỏ nhiều khía cạnh liên quan đến vấn đề XĐGN, quá trình xây dựng và thực thi chính sách XĐGN qua các kỳ Đại hội, những thông tin cơ bản về XĐGN. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về việc thực hiện chính sách XĐGN theo định hướng của Đại hội Đảng XIII. Vì vậy, theo hướng nhận thức này, nghiên cứu sẽ tập phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động chính sách XĐGN từng giai đoạn, kết quả thực hiện của chính sách, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp giúp nâng cao hiệu quả của chính sách XĐGN trong thời gian tới.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này, tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cơ bản như: Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp, phương pháp chuyên gia, phương pháp tổng hợp, phân tích đánh giá dữ liệu thu thập được.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về xóa đói, giảm nghèo ở nước ta

XĐGN là một chiến lược của Chính phủ Việt Nam nhằm giải quyết vấn đề đói nghèo và phát triển kinh tế tại Việt Nam. Giảm nghèo luôn được Đảng và Nhà nước xác định vừa là mục tiêu, vừa là yêu cầu để phát triển bền vững. Giảm nghèo vì thế đã trở thành một chủ trương lớn, một chương trình của quốc gia, giàu tính nhân văn, thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong suốt 76 năm qua, kể từ năm 1945. Trong bối cảnh kinh tế đất nước đang ngày càng phát triển, nếu không có chương trình giảm nghèo, an sinh xã hội, chắc chắn những đối tượng

người nghèo sẽ tụt hậu, hoang cách chênh lệch giàu, nghèo sẽ ngày càng lớn và tăng áp lực cho mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Một quốc gia nếu không giải quyết dứt điểm XĐGN sẽ ảnh hưởng ngay cơ phát triển không bền vững, thậm chí dẫn đến những hậu quả bất ổn định kinh tế-xã hội. Nhận thức được tầm quan trọng của chính sách XĐGN không chỉ giúp Việt Nam phát triển kinh tế bền vững, đồng thời còn giúp thực hiện mục tiêu theo phát triển bao trùm, không để ai bỏ lại phía sau.

Trong sự nghiệp đổi mới, XĐGN trở thành một chủ trương lớn, xuyên suốt của Đảng qua nhiều nhiệm kỳ, với những nội dung và giải pháp thích hợp trong từng giai đoạn. Bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ VI, Đảng đã đánh dấu một bước quan trọng trong đổi mới nhận thức về các vấn đề xã hội và giải quyết các vấn đề xã hội, trong đó có nội dung quan trọng về đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo. Lần đầu tiên Đảng đã đặt giải quyết các vấn đề xã hội lên tầm chính sách xã hội trong tương quan với chính sách phát triển kinh tế. Đến Đại hội VII, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước, Đảng ta tiếp tục chỉ rõ: “Phương hướng lớn của chính sách xã hội là phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, giữa đời sống vật chất với đời sống tinh thần, giữa đáp ứng nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài, giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội”.

Trong suốt 3 kỳ đại hội liên tiếp: Đại hội VIII, IX, X của Đảng tiếp tục đổi mới nhận thức về vấn đề xã hội và giải quyết các vấn đề xã hội, trong đó xác định XĐGN là một nhiệm vụ rất quan trọng, một cấu thành hữu cơ của hệ thống chính sách phát triển xã hội. Đảng chỉ rõ hệ thống chính sách xã hội phải được hoạch định theo những quan điểm sau: Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Các chính sách xã hội phải hướng vào phát triển và làm lành mạnh hoá xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

Đến Đại hội XI, XII, Đảng đã đề ra chủ trương phát triển nhanh, bền vững, trong đó vấn đề XĐGN được đặt ở tầm cao hơn, XĐGN bền vững trong tổng thể mục tiêu phát triển bền vững Quốc gia (mục tiêu Thiên niên kỷ) theo đề xuất của Liên hợp quốc. Tại Cương lĩnh năm 2011 cùng với Nghị quyết Đại hội XI (năm 2011), Đảng tiếp tục làm rõ hơn nhận thức, quan điểm về các vấn đề xã hội và quyết định các vấn đề xã hội, về XĐGN: “Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình xóa đói, giảm nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức xóa đói, giảm nghèo gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề và giải quyết

việc làm để xóa đói, giảm nghèo bền vững; tạo điều kiện và khuyến khích người đã thoát nghèo vươn lên làm giàu và giúp đỡ người khác thoát nghèo”. Nghị quyết Đại hội đã tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi... Đến Đại hội lần thứ XII, Đảng chỉ rõ: “Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bao trùm, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững”. Nghị quyết của Đại hội của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: Chủ trọng các giải pháp tạo điều kiện và khuyến khích hộ nghèo, cận nghèo phấn đấu tự vươn lên thoát nghèo bền vững. Khuyến khích nâng cao năng lực tự đảm bảo an sinh xã hội của người dân. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, khuyến khích tham gia của cộng đồng, nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội. Thực hiện chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều, đảm bảo mức sống tối thiểu về thu nhập và các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin...

Nhìn lại sau 35 năm đổi mới, chính sách XDGN theo tinh thần Nghị quyết đại hội lần thứ XIII đã có sự chuyển biến về quan điểm. Chính sách XDGN chuyển từ mang nặng tính hỗ trợ đời sống sang việc tạo điều kiện gắn với công bằng và bình đẳng để các hộ nghèo tiếp cận với các nguồn lực xã hội tốt hơn; Chuyển từ XDGN là nhiệm vụ chỉ của Nhà nước, sang kết hợp có hiệu quả vai trò chủ đạo của Nhà nước với vai trò của xã hội thông qua cách thức trợ giúp xã hội “đổi mới cách tiếp cận, tăng cường phối hợp, lồng ghép, ưu tiên nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực trợ giúp xã hội. Phát triển và đa dạng hóa các dịch vụ trợ giúp xã hội chuyên nghiệp”. Quan điểm này sẽ khắc phục tình trạng thiếu vốn và công tác thị trường đầu ra của sản phẩm do sự kết nối hệ thống doanh nghiệp với đối tượng thụ hưởng của chính sách.

4.2. Nhà nước thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về công tác xóa đói giảm nghèo.

4.2.1. Chính sách xóa đói giảm nghèo

Với những nhận thức và quan điểm chỉ đạo như trên, Đảng đã lãnh đạo Nhà nước cụ thể hóa và thể chế hóa thành hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, các chương trình phát triển kinh tế-xã hội và xóa đói, giảm nghèo phù hợp trong từng giai đoạn. Năm 1998, “Chương trình quốc gia xoá đói, giảm nghèo” thời kỳ 1998-2000 được Quốc hội thông qua. Chính phủ cũng phê duyệt các chương trình quan trọng, trọng tâm là phát triển hạ tầng và dịch

vụ thiết yếu, thúc đẩy sản xuất, nâng cao thu nhập cho các huyện nghèo, hộ nghèo và người nghèo.

Giai đoạn 2012-2015, vấn đề XDGN được nâng lên tầm cao hơn, hướng tới giảm nghèo bền vững, do đó Quốc hội Việt Nam đã thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong giai đoạn này và còn thông qua 15 Chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó “Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2010-2020, với mục tiêu “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Sang giai đoạn 2016-2020, Chính phủ đã tích hợp lại các chương trình mục tiêu quốc gia. Quốc hội đã ra nghị quyết chỉ còn hai Chương trình mục tiêu quốc gia là: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

4.2.2. Chuẩn nghèo.

Để xác định đối tượng thụ hưởng chính sách XDGN, Nhà nước đã cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá hộ nghèo căn cứ vào chuẩn nghèo. Trước năm 2015, Việt Nam sử dụng phương pháp đo lường nghèo đơn chiều theo chuẩn nghèo thu nhập. Sau năm 2015, Việt Nam đã thông qua phương pháp tiếp cận đa chiều để đo lường nghèo đói căn cứ mức độ thiếu hụt tiếp cận 5 dịch vụ xã hội cơ bản, bao gồm: y tế; giáo dục; nhà ở; nước sạch và vệ sinh; thông tin.

Để đo lường hộ nghèo, Việt Nam đưa ra quy định về chuẩn nghèo, làm cơ sở đánh giá và thống kê hộ nghèo. Chuẩn nghèo là thước đo (hay tiêu chí) nhằm xác định ai là người nghèo (hoặc không nghèo) để thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của nhà nước. Từ năm 1993 đến nay, Việt Nam đã 8 lần công bố tiêu chuẩn cụ thể cho hộ nghèo: (1) Chuẩn nghèo 1993-1995, (2) Chuẩn nghèo 1995-1997, (3) Chuẩn nghèo 1997-2000 theo công văn số 1751/LĐTBXH, (4) Chuẩn nghèo Giai đoạn 2001-2005 theo Quyết định số 1143/2000/QĐ-LĐTBXH, (5) Chuẩn nghèo Giai đoạn 2006-2010 được áp dụng theo Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ, (6) Chuẩn nghèo Giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011, (7) Chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, (8) Chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025 áp dụng theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/01/2021, quy định

chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. Ngoài tiêu chí về hộ nghèo, ở Việt Nam còn quy định về xã nghèo và vùng nghèo tại Quyết định số 587/2002/QĐ- BLĐT BXH, ngày 22/5/2002 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc ban hành tiêu chí xã nghèo giai đoạn 2001-2005.

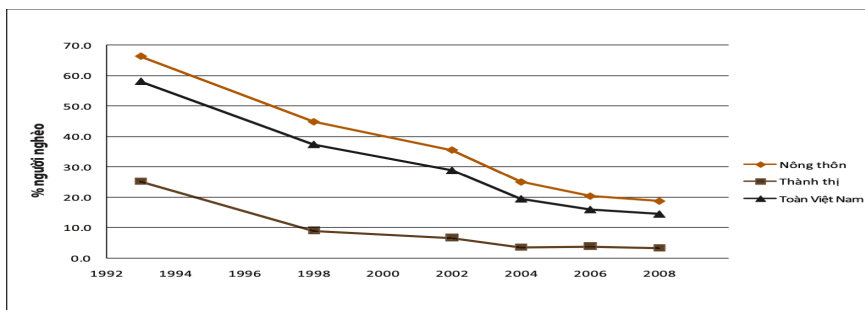
4.3. Kết quả thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo trong thời gian qua

Năm 2006, Việt Nam đã tuyên bố hoàn thành

“Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) về xóa nghèo”, về đích trước gần 10 năm so với thời hạn (thời hạn là năm 2015).

Giai đoạn: 1993-2008.

Năm 1993, tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam: 58,1%; đến năm 2008, con số này giảm xuống còn 12,1% và giảm xuống 9,45% vào năm 2010. Như vậy, chỉ mất 17 năm, Việt Nam đã đưa tỉ lệ nghèo đói xuống ở mức 1 con số.



Hình. Giảm nghèo ở Việt Nam giai đoạn 1993-2008

Nguồn. Báo cáo của Ngân hàng thế giới về giảm nghèo của Việt Nam

Giai đoạn 2008-2010:

Tỷ lệ hộ nghèo cả nước đã giảm từ 22% (năm 2005) xuống còn 18,1% (năm 2006); và 9,45% (năm 2010), hoàn thành kế hoạch trước 01 năm so với mục tiêu Chương trình và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đề ra. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn 62 huyện nghèo giảm xuống còn 37%.

Giai đoạn 2011-2015

Tỷ lệ hộ nghèo cả nước đã giảm từ 14,2% năm 2010 xuống còn 4,25% năm 2015, bình quân giảm 2%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo đã giảm từ 58,33% cuối năm 2010 xuống còn 28% cuối năm 2015; bình quân giảm trên 6%/năm. Thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo cả nước tăng lên 1,6 lần so với cuối năm 2011 (riêng các hộ nghèo ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi tăng gấp 2,5 lần) đạt mục tiêu đề ra.

Giai đoạn 2016-2020

Tỷ lệ nghèo cả nước giảm từ 9,88 (2015) xuống còn 5,23% (2018), bình quân mỗi năm giảm 1,55% đạt và vượt mục tiêu Quốc hội đề ra; tỷ lệ nghèo các huyện nghèo giảm bình quân 5,5%/năm, vượt mục tiêu (giảm 4%); các xã đặc biệt khó khăn giảm từ 3-4% trở lên mỗi năm, đạt mục tiêu.

Bên cạnh kết quả về mặt định lượng, chính sách XĐGN còn đóng góp nhiều khía cạnh trong phát triển kinh tế-xã hội, góp phần thực hiện thành công các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội các thời kỳ như:

- Góp phần làm tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội, thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội.

- Góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Thành tựu giảm nghèo ở Việt Nam là cơ sở để Hội đồng nhân quyền Liên hiệp quốc ghi nhận và thông qua báo cáo nhân quyền của Việt Nam, làm tăng vị thế, uy tín của Việt Nam trên thế giới và trong quá trình hội nhập quốc tế. Thành quả xóa đói, giảm nghèo của Việt Nam còn là một thông điệp hữu hiệu gửi tới thế giới rằng, Nhà nước Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

- Làm tăng năng lực cạnh tranh quốc gia: Thực hiện chương trình XĐGN đồng thời với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách toàn diện, cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng đồng bộ, tạo điều kiện cho người dân dễ dàng tiếp cận với các nguồn lực xã hội.

- Làm thay đổi cơ bản nhận thức của cộng đồng, làm tăng trách nhiệm của cộng đồng, của xã hội với người nghèo, đồng thời làm thay đổi cơ bản nhận thức của người nghèo.

- Giúp người nghèo ngày càng thích ứng với cơ chế thị trường.

- Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người nghèo.

- Làm tăng chỉ số phát triển con người Việt Nam.

- Làm tăng lòng tin của nhân dân nói chung và người nghèo nói riêng đối với Đảng và Nhà nước.

- Việc xây dựng và thực thi chính sách XĐGN ngày càng được hoàn thiện.

Bên cạnh kết quả thực hiện của chính sách XĐGN trong thời gian qua, Chương trình giảm nghèo vẫn

còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Kết quả giảm nghèo thời gian qua chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao. Tỷ lệ tái nghèo trong vòng 5 năm 2016-2020 bình quân 3,74%/năm so với tổng số hộ thoát nghèo (giai đoạn 2011-2015, tỷ lệ tái nghèo là 12%). Tỷ lệ hộ nghèo phát sinh hàng năm đã giảm nhưng vẫn còn tương đối lớn, trung bình giai đoạn 2016-2020 bằng 20,88% so với tổng số hộ thoát nghèo.

- Theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020, tại thời điểm năm 2021, tiêu chí thu nhập chỉ bằng 40% mức sống tối thiểu nhưng cả nước vẫn còn gần 1,8 triệu hộ nghèo và cận nghèo.

- Phân hóa giàu nghèo trong các tầng lớp dân cư có xu hướng gia tăng qua số liệu về chênh lệch thu nhập giữa nhóm 20% dân số giàu nhất và nhóm 20% dân số nghèo nhất của năm 2014 là 9,7 lần và tăng lên 10 lần vào năm 2018.

- Thực trạng nghèo đói, thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản ở nước ta vẫn ở mức cao và phân bố không đồng đều giữa các vùng miền, nơi điều kiện tự nhiên có nhiều khó khăn để phát triển kinh tế-xã hội.

- Một số chỉ tiêu đo lường tiếp cận nghèo đa chiều chưa cụ thể, khó đo lường, khó xác định khi thực hiện hoặc không còn phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội.

- Nguồn kinh phí để thực hiện Chương trình XĐGN bền vững gặp nhiều khó khăn trong việc đáp ứng với nhu cầu thực tế của xã hội.

4.4. Một số kiến nghị hoàn thiện chính sách xóa đói, giảm nghèo theo định hướng của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII

Thứ nhất, cần xây dựng chính sách XĐGN gắn liền với Chiến lược giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững theo tầm nhìn của Đại hội Đảng lần thứ XIII đến năm 2025, 2030, 2045. Đồng thời cụ thể hóa chương trình cụ thể giai đoạn 5 năm, 10 năm theo chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội.

Thứ hai, nội dung của chính sách XĐGN thiết kế giảm dần hỗ trợ theo hướng cho không, tập trung nguồn lực tạo sinh kế cho hộ nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng và nâng cao trình độ học vấn cho người dân. Kết nối và tạo điều kiện cho doanh nghiệp tác động vào việc giảm nghèo và an sinh xã hội.

Thứ ba, cần có chính sách riêng để khắc phục tình trạng nghèo đói đối với trẻ em, bình đẳng giới trong nghèo đói và các đối tượng dễ bị tác động bởi thiên tai, dịch bệnh.

Thứ tư, để thực thi chính sách XĐGN có hiệu quả cần rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan, các nội dung chính sách không còn phù hợp trong tình hình mới, tạo thành hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách đồng bộ, tập huấn chung để hiểu đúng với nội dung chính sách cho tất cả các địa phương.

Thứ năm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tập huấn về kiến thức và chính sách, đặc biệt tại các vùng có dân trí thấp, giúp người dân hiểu rõ pháp luật, khoa học kỹ thuật, kiến thức kinh doanh, để họ tự vận dụng chính sách của Đảng và Nhà nước vào việc tự thoát nghèo.

5. Thảo luận

Chính sách XĐGN đã và đang chứng tỏ vai trò của mình đối với công tác an sinh xã hội và phát triển kinh tế. Thời gian qua, chính sách XĐGN tuy đạt được thành quả nhất định, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra cần khắc phục, góp phần hoàn thành mục tiêu của Đại hội, cụ thể:

Một là, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhưng chưa bền vững. Công tác giảm nghèo chưa bền vững, khoảng cách giàu nghèo trong xã hội ngày càng cao, tỷ lệ tái nghèo cao. Tỷ lệ nghèo giữa các vùng, miền còn khoảng cách khá lớn, nhiều vùng có tỷ lệ nghèo cao, như miền núi Tây Bắc, miền núi Đông Bắc và Tây Nguyên. Tỷ lệ nghèo cao trong đồng bào dân tộc thiểu số là khó khăn, thách thức đối với mục tiêu giảm nghèo giai đoạn tới. Do vậy, Nhà nước cần có sự phân loại từng vùng miền, từng nhóm hộ nghèo cụ thể để có chính sách hỗ trợ hiệu quả, đúng hướng và phù hợp đặc điểm cũng như tránh tình trạng hỗ trợ đối với hộ nghèo dàn trải, cào bằng, dẫn đến thiếu công bằng và không tạo được động lực giúp người dân vươn lên.

Hai là, hệ thống chính sách chưa đồng bộ. Những chính sách hỗ trợ đi kèm như cho vay vốn tín dụng, hỗ trợ con giống cây giống đào tạo nghề, tạo điều kiện để tạo sinh kế còn hạn chế, triển khai còn gặp nhiều khó khăn.

Ba là, tăng cường hỗ trợ về việc làm và sản xuất, kinh doanh. Tỷ lệ hộ nghèo và tái nghèo chủ yếu tập trung vào các hộ dân có khó khăn về việc làm, đời sống không ổn định. Do vậy, cần có giải pháp thoát nghèo bền vững theo hướng tập trung dạy nghề cho người lao động, nhất là khu vực nông thôn gắn với chương trình, dự án như chương trình xây dựng nông thôn mới và thu hút nhà đầu tư vào địa phương, giúp người lao động có việc làm ổn định, vươn lên thoát nghèo bền vững.

Bốn là, ý thức thoát nghèo của các đối tượng thụ hưởng chính sách XĐGN. Đây là vấn đề cần quan tâm để đưa ra giải pháp giúp cho người dân nâng cao ý thức để tự sản xuất kinh doanh, xem việc nghèo là động lực để vươn lên và nêu cao trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.

6. Kết luận

Chính sách XĐGN là chính sách xã hội có vai trò an sinh và đảm bảo công bằng với việc tiếp cận các nguồn lực công đối với các đối tượng, là một trong các chính sách để giúp đưa Nghị quyết của Đại hội vào cuộc sống thành công. Thời gian qua, Chính phủ đã xây dựng chính sách XĐGN theo từng giai đoạn, ứng với từng kỳ của Đại hội Đảng,

nhằm cụ thể hóa đường lối chủ trương của Đảng vào chính sách công, góp phần thực hiện các mục tiêu của Đại hội Đảng đã đề ra. Việc điều chỉnh chính sách XDGN theo định hướng của Đại hội Đảng lần thứ XIII góp phần kế thừa thành công của Chương

trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và tiếp tục phát huy đóng góp quan trọng của chính sách trong giai đoạn 2021-2025 đối với sự phát triển của đất nước.

Tài liệu tham khảo

Bo Lao động, Thương binh và Xã hội. (2012). *Văn kiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015*.

Bo Lao động, Thương binh và Xã hội. (2015). *De an nghèo đa chiều*.

Cao, A. (2020). Tài liệu của Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Truy cập từ <https://www.moha.gov.vn>.

Chính phủ. (2021). *Báo cáo Đề xuất chủ trương đầu tư chương trình quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025*.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021a). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021b). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Ly, L. Q. (2012). *Chính sách xóa đói giảm nghèo, thực trạng và giải pháp* (chu biên). Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

Toan, T. Q. (2020). Đảng lãnh đạo công cuộc xóa đói, giảm nghèo. Truy cập từ <http://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/dang-lanh-dao-cong-cuoc-xoa-doi-giam-ngheo.html>.

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO THEO ĐỊNH HƯỚNG CỦA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII

Vương Thị Bích Thủy

Học viện Chính trị khu vực I
Email: thuyvuong0713@gmail.com

Ngày nhận bài: 22/10/2021
Ngày phản biện: 02/11/2021
Ngày tác giả sửa: 08/11/2021
Ngày duyệt đăng: 19/11/2021
Ngày phát hành: 30/11/2021

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/627>

Ngay sau khi thành lập nước năm 1945 công tác xóa đói, giảm nghèo đã luôn được Đảng và Nhà nước xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao đời sống cho nhân dân. Quan điểm đó luôn xuyên suốt trong các kỳ Đại hội, đã được Nhà nước cụ thể hóa thành các chính sách và các chương trình thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo. Trên tinh thần đó, Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ 13 tiếp tục xác định nhiều mục tiêu quan trọng liên quan đến nâng cao đời sống của mọi người dân và không để ai bị bỏ lại phía sau. Việc hoàn thiện chính sách xóa đói, giảm nghèo trong tình hình mới sẽ góp phần thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ 13.

Từ khóa: Đại hội Đảng; Chính sách xóa đói giảm nghèo; Đói nghèo.